TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 6 - 2023
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thanh Phong
2. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Đức Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Mai T, sinh năm 2003; nơi cư trú: số nhà 13/2 ấp B, xã G, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1996; nơi cư trú: số nhà 57/2 ấp A, xã N, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, Đơn xin xét xử vắng mặt trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Võ Thị Mai T trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2021 chị và anh T qua thời gian tìm hiểu rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12/4/2021. Thời gian sống chung có 01 con chung Đặng Võ Mai T, sinh ngày 27/6/2021. Trong thời gian sống chung anh T không lo làm ăn thường xuyên cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị và gia đình hai bên nhiều lần khuyên nhủ những anh không sửa đổi nên chị và anh T đã sống ly thân ly thân từ tháng 12/2022 cho đến nay.

Từ đó cho đến nay chị và anh T không có gặp gỡ hay hàn gắn đoàn tụ. Anh T cũng đã biết việc chị gửi đơn ly hôn và tòa thụ lý nhưng không có thiện chí hàn gắn, không đến toà để trình bày ý kiến. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: cháu Đặng Võ Mai T, sinh ngày 27/6/2021 hiện đang sống cùng chị, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: trước đây chị có yêu cầu anh T trả lại cho chị 1,1 lượng vàng 24k 9999. Nhưng nay chị xin rút toàn bộ yêu cầu này.

Về nợ chung: chị và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về nội dung: xét lời trình bày của chị T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Thấy rằng trong thời gian chung sống chị và anh đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Mai T, chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Hợp nên đây là tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Đặng Văn T cư trú tại xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[2] Về tố tụng: chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt; anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[3] Về hôn nhân: xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban

nhân dân xã A cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12/4/2021. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị T cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T đã trải qua khoảng thời gian dài mất hạnh phúc từ việc anh T không lo làm ăn thường xuyên chơi cờ bạc. Chị T và gia đình nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không sửa đổi, chị T và anh T đã sống ly thân, hiện không có khả năng hàn gắn đoàn tụ.

Đối với anh Đặng Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử cùng với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T cho nên nội dung mà chị đã trình bày về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh là có căn cứ chấp nhận. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh, chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[4] Về con chung: Đặng Võ Mai T, sinh ngày 27/6/2021 hiện đang sống cùng chị T và chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy chị T có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dạy cháu T để đảm bảo con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Vì vậy giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời ghi nhận việc anh T không cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: chị T xin rút toàn bộ yêu cầu anh T trả lại cho chị 1,1 lượng vàng 24k 9999 xét đây là sự tự nguyện nên cần đình chỉ yêu cầu này là phù hợp.

Về nợ chung: chị T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

Anh T không có lời trình bày về vấn đề này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị T và anh T được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác (nếu có yêu cầu).

[6] Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, Điều 147,Điều 217, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Mai T. Chị Võ Thị Mai T được ly hôn với anh Đặng Văn T.

Chị T và anh T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: chị Võ Thị Mai T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Võ Mai T, sinh ngày 27/6/2021 và ghi nhận việc anh T không cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị T về việc yêu cầu anh T trả lại cho chị 1,1 lượng vàng 24k 9999.

Về nợ chung: chị T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết. Anh T không có lời trình bày về vấn đề này nên không xem xét giải quyết.

Chị T và anh T được quyền khởi kiện yêu cầu về việc giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Võ Thị Mai T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số T tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001927 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong. Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả lại số T tạm ứng án phí 1.493.250 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001928 ngày 20/3/2023 cho chị T.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú,
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Cẩm Nhung